



GÓP THÊM NHẬN ĐỊNH VỀ GIAO LƯU KINH TẾ VIỆT-HOÀ Ở VIỆT NAM THỜI PHONG KIẾN

Trần Thị Thanh Thanh^{1*}, Trương Anh Tài²

¹Khoa Lịch sử - Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh

²Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số TP Hồ Chí Minh

Ngày Tòa soạn nhận được bài: 10-02-2017; ngày phân biên đánh giá: 03-4-2017; ngày chấp nhận đăng: 25-5-2017

TÓM TẮT

Thời phong kiến ở Việt Nam, chính quyền phong kiến thường chủ trương hạn chế ngoại thương, kiểm soát chặt chẽ các cửa khẩu vì mục đích quốc phòng. Tuy nhiên, trong những bối cảnh lịch sử nhất định, chính quyền phong kiến vì những quyền lợi chính trị và kinh tế đã tỏ ra ưu đãi và tạo điều kiện để thương nhân người Hoa phát huy năng lực và phát triển thế lực kinh tế mạnh mẽ của mình. Giao lưu kinh tế Việt-Hoa nhờ đó đã đóng góp vai trò quan trọng trong thời phong kiến ở Việt Nam, đồng thời để lại những bài học lịch sử cho ngày nay về quản lý kinh tế nhà nước.

Từ khóa: giao lưu kinh tế, thời phong kiến, quan hệ Việt- Hoa.

ABSTRACT

Some additional considerations on economic exchanges between Vietnam and China in feudal time

In feudal time, Vietnamese dynasties maintained the policy of restricting foreign trade and having close control of the country border crossings for the state defense. However, in certain historical contexts, Vietnam feudal governments, due to their political and economic interests, favored and created good conditions for Chinese merchants in enhancing and developing their economic forces. The economic exchanges between Vietnam and China thus played an important role in the feudal time as well as gave precious historical lessons of government economic management for the present day.

Keywords: economic exchanges, feudal time, relationship between Vietnam and China.

1. Mở đầu

Trong lịch sử, các vương triều phong kiến Trung Hoa đã phát động nhiều cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam với mưu đồ thôn tính, hòng biến Việt Nam thành quận huyện của Trung Quốc. Những cuộc chiến tranh ấy cuối cùng đều kết thúc bằng thắng lợi của Việt Nam. Nhân dân Việt Nam đã giữ vững được nền độc lập

và chủ quyền dân tộc. Ngoài những thời kì chiến tranh với Trung Hoa, như các cuộc kháng chiến dưới triều Tiền Lê năm 981 và dưới triều Lý những năm 1075-1077 chống giặc Tống, 3 lần kháng chiến dưới triều Trần chống giặc Mông-Nguyên (lần 1 vào năm 1258, lần 2 vào năm 1285, lần 3 vào các năm 1287-1288), chiến tranh giải phóng của phong trào Lam Sơn chống

* Email: t4196hcm@gmail.com

nền đô hộ của giặc Minh (1418-1427), phong trào Tây Sơn và hoàng đế Quang Trung đại phá quân Thanh xâm lược năm 1789..., Việt Nam đã có những năm tháng hòa bình lâu dài, có mối quan hệ giao hảo với Trung Quốc, được gọi là những thời kì “bang giao hảo thối”. Trong quan hệ giao hảo đó, giao lưu kinh tế Việt-Hoa ở Việt Nam đã có một vai trò quan trọng.

2. Biểu hiện và vai trò của giao lưu kinh tế Việt-Hoa ở Việt Nam thời phong kiến

Từ ngàn xưa, nhiều kĩ thuật tiến bộ trong sản xuất nông nghiệp, thủ công nghiệp được tiếp thu từ Trung Hoa đã làm phong phú kho tàng kinh nghiệm sản xuất của nhân dân: việc trị thủy và làm thủy lợi, việc sử dụng sức kéo trâu bò, việc dùng các loại phân bón ruộng... đã góp phần đáng kể nâng cao năng suất trồng lúa, mỗi năm trồng được hai vụ vào mùa hè và mùa đông. Đồng tiền được đúc ở Việt Nam thời phong kiến nhằm khẳng định tính chính thống của triều đại cầm quyền và đáp ứng nhu cầu thông thương, thường phỏng theo cách đúc và hình dáng của tiền Trung Hoa. Đồng tiền có hình tròn, lỗ tiền hình vuông. Trên một mặt tiền có bốn chữ Hán, hai chữ đầu là niên hiệu nhà vua, chẳng hạn, đời Lý Thái Tổ đúc tiền Thuận Thiên đại bảo (1010-1028), Thuận Thiên nguyên bảo (1010-1028); đời Lý Thái Tông đúc tiền Thiên Thành nguyên bảo (1028-1034), Càn Phù nguyên bảo (1039-1042); đời Lý Anh Tông đúc tiền Đại Định thông bảo (1140-1163), Thiên Cảm thông bảo (1174-1175); đời Lý

Cao Tông đúc tiền Thiên Tư thông bảo (1186-1202), Trị Bình thông bảo (1205-1210)... Những đồng tiền thời Đường, Tống của Trung Hoa được tìm thấy ở một số nơi tại các tỉnh miền núi của Việt Nam ngày nay góp phần chứng tỏ có hoạt động mậu dịch giữa đồng bằng và miền núi, giữa Việt Nam và Trung Hoa.

Việc phát triển nghề thủ công, hình thành các nghề mới cũng phản ánh mối quan hệ kinh tế Việt-Hoa. Trong các chuyến đi sứ sang Trung Hoa, nhiều vị sứ thần Việt Nam tranh thủ học tập nhiều kinh nghiệm sản xuất, biết thêm nhiều nghề mới về truyền dạy cho nhân dân, như nghề thêu, làm lọng, làm men gốm, gò đồng, chạm khắc vàng bạc... Nhiều nghề thủ công Việt Nam do tiếp thu kĩ thuật tiến bộ từ Trung Hoa đã được cải tiến và sáng tạo, làm nên sản phẩm bền hơn, đẹp hơn, như các nghề gốm sứ, dệt chiếu, khắc ván in, sơn son thếp vàng, dệt lụa, dệt the, dệt gấm đoạn, dệt sa lãnh, nghề nhôm, nghề nén vàng, luyện vàng, làm giấy, đóng ghe, đóng thuyền...

Dưới các triều đại Việt Nam, trong những thời kì hòa bình, giao lưu kinh tế Việt-Hoa thường diễn ra trong việc buôn bán, trao đổi hàng hóa. Đối với những hoạt động giao thương trên bộ với Trung Hoa, chính sách của các triều đại Việt Nam nhìn chung có sự cởi mở. Việc buôn bán trên bộ chủ yếu diễn ra ở vùng biên giới, nơi mà những luật cấm của nhà nước rất ít có hiệu lực, vì ngoài một số vùng hiểm yếu có quân đội đồn trú và kiểm soát, đường biên giới hai nước nhìn chung

không rõ ràng, cư dân hai nước thường xuyên qua lại tiếp xúc với nhau. Việc mua bán, trao đổi hàng hóa, vật phẩm hàng ngày của nhân dân và hoạt động mậu dịch của thương nhân trên dọc tuyến biên giới đã diễn ra lâu đời. Một số ghi chép còn ít ỏi và lẻ tẻ trong thư tịch Việt Nam và Trung Quốc cho biết về cảnh chợ búa hoặc giá cả hàng hóa ở vùng biên, về việc triều Lý Việt Nam sai sứ sang nhà Tống Trung Hoa xin cho thuyền buôn đến buôn bán ở Ung Châu, về một số “bạc dịch trường” - chợ biên giới - và tuyến buôn bán được hình thành dọc theo biên giới đất liền giữa hai nước, thương nhân Việt có thể tiến sâu vào buôn bán trong lục địa Trung Hoa... Tác giả sách *Lĩnh ngoại đại đáp* là Chu Khứ Phi chép rằng “Trại Vĩnh Bình ở sông Hữu Giang, Ung Châu, kề biên giới Giao Chỉ, chỉ cách một con sông con mà thôi. Phía Bắc có trạm Giao Chỉ, phía Nam có đình Tuyên Hòa làm bạc dịch trường. Chủ trại Vĩnh Bình coi việc trao đổi. Người Giao Chỉ đem các thứ hương, ngà voi, sừng tê, vàng bạc, tiền đổi lấy các thứ vải vóc. Những người Giao Chỉ đến Vĩnh Bình đều đi bằng đường bộ. Những hàng họ đem bán đều quý, nhỏ nhẹ, chỉ có muối là nặng, nhưng muối có thể đổi lấy vải. Muối đóng 25 cân thành một sọt. Vải sản xuất ở huyện Vũ Duyên, Ung Châu, khổ hẹp” (Lê Quý Đôn, 1977, tr.225). Cũng theo Chu Khứ Phi, Khâm Châu là bạc dịch trường lớn nhất có dân buôn Đại Việt đến trao đổi hàng hóa, người Việt thường bán sản vật trong nước và mua lại giấy, bút, tơ, vải, gấm vóc của

Trung Hoa, “...Bạc dịch trường ở ngoài thành, tại trạm Giang Đông. Những người thuyền chài Giao Chỉ mang cá, sò đến đổi lấy đầu gạo, thuốc vải. Phú thương nước ấy đến bán từ châu Vĩnh An phải thông điệp cho Khâm Châu, ấy là tiểu cương (buôn nhỏ), còn nước ấy sai sứ đến Khâm Châu để buôn bán thì gọi là đại cương (buôn to). Hàng đem bán có bạc, đồng, tiền, trầm hương, trân châu, ngà voi, sừng tê...” (Lê Quý Đôn, 1977, tr.225).

Vào thế kỉ XVIII, tình hình giao thương với Trung Hoa ở biên giới được tác giả sách *Kiến văn tiểu lục* là Lê Quý Đôn ghi lại như sau: “Muối thường bán ở trấn, sở. Cứ 1000 cân chứa thành 10 bồ, trị giá tiền 32 quan, lên tới Hà Giang thành 50 quan. đến Tụ Long thì mỗi cân giá 2 tiền, 100 cân trị giá 20 quan. Ở Trung Quốc muối công đất, lại đắt, cho nên người phương Bắc mang thuốc Bắc từ ải Bình Di sang đổi lấy muối, rồi đem lên về để bán riêng kiếm lời... Dầu thấp cũng do người Trung Quốc tới buôn, ngày đêm liên tục, vì vậy số thuế thu được ở chợ khá nhiều...” (Lê Quý Đôn, 1977, tr.350).

Trên các tuyến buôn bán đường biển, từ thời Lý, trang Vân Đồn được lập để khẳng định chủ quyền, thiết lập “phên dậu” vùng Đông Bắc, đồng thời thúc đẩy quan hệ giao thương với các quốc gia trong khu vực. Vân Đồn nhanh chóng trở thành nơi có thuyền buôn Trung Hoa qua lại buôn bán. Ngoài cảng biển Vân Đồn, thuyền buôn Trung Hoa cũng thường đến neo đậu tại các cửa biển Tha, Viên ở Châu Diên. Sang thời Trần, nhiều cửa biển thay

đổi, thuyền buôn chủ yếu neo đậu tại Vân Đồn. Hải cảng Vân Đồn trở thành trung tâm buôn bán thịnh vượng. Vân Đồn có vị trí xung yếu nằm trên con đường hải vận Trung Hoa - Việt Nam, là một căn cứ hải quân quan trọng. Đây là nơi Trần Khánh Dư đã đánh chặn đoàn thuyền lương của tướng nhà Nguyên là Trương Văn Hổ. Giám điệp thường giả lái buôn đến Vân Đồn thám thính hoặc liên lạc với bọn phản quốc trong nước. Chẳng hạn, qua bọn lái buôn ở Vân Đồn, Trần Ích Tắc đã đưa thư liên lạc với quân Nguyên.

Hoạt động buôn bán ở vùng biên giới và hải cảng cho thấy quan hệ buôn bán giữa Việt Nam với Trung Hoa khá phát đạt, việc trao đổi hàng hóa được nhà nước tạo điều kiện thuận lợi, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và quốc dụng. Ngoài ra, hoạt động giao thương với Trung Hoa cũng giúp các vua Đại Việt nắm được tin tức vùng biên Trung Hoa giáp nước ta. Chẳng hạn, vào thời Lý, Lý Thường Kiệt đã nhờ những người đi buôn và cho người giả làm khách buôn do thám tình hình nước Tống để quyết định chủ động tấn công tự vệ năm 1075. Để hoạt động buôn bán với Trung Hoa được thuận lợi, nhà nước Đại Việt thường ban hành những quy định thống nhất về đo lường. Các trạm dịch và phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy được xây dựng, tu sửa.

Trong các thế kỉ XV, XVI, các vua Lê đã thi hành chính sách phong tỏa khá khắt khe đối với ngoại thương nhằm bảo vệ an ninh quốc gia, đặc biệt kiểm soát

chặt chẽ các hoạt động buôn bán tư nhân. Dưới triều Lê Thánh Tông, trong việc phòng thủ đất nước, để chống các hành động gián điệp của ngoại quốc, triều đình áp dụng biện pháp khống chế, kiểm soát nghiêm ngặt người nước ngoài khi họ tới Việt Nam, cấm người nước ta tiếp xúc với người nước ngoài.

Sau khi nhà Minh bãi bỏ chính sách “cấm biển” vào năm 1576, luồng thương nhân Trung Hoa tỏa xuống Đông Nam Á rất mạnh mẽ. Do những món lợi về kinh tế, dân buôn Việt Nam, Trung Hoa bất chấp nguy hiểm vượt biển tới các bến cảng, hải đảo vùng vịnh Bắc Bộ Việt Nam lén lút mua bán, trao đổi hàng hóa, sản phẩm. Nhà nước Đại Việt ban hành luật cấm vượt biên giới ra nước ngoài buôn bán, song trong thực tế, luật này không ngăn nổi dân buôn dong thuyền tới hoạt động tại các cảng ở Khâm Châu, Liêm Châu... của Trung Hoa. Thậm chí con đường giao thương từ vùng biển miền Trung Việt Nam đến tỉnh Vân Nam Trung Hoa vẫn thông suốt, sự khống chế của triều đình ít có hiệu lực. Nhà nước nắm độc quyền về ngoại thương, kiểm soát chặt chẽ để đảm bảo an ninh quốc gia, nhưng không hạn chế được sự buôn bán của các thương nhân, quan lại và thường dân.

Trong thời kì Trịnh-Nguyễn các thế kỉ XVI-XVIII, nhà nước phong kiến Việt Nam có chính sách ngoại thương cởi mở, phát triển buôn bán với Trung Hoa và với các nước khác nhằm phát triển tiềm lực kinh tế và quân sự. Ở Đàng Trong, các chúa Nguyễn từ thời Nguyễn Hoàng đã có

chủ trương bảo hộ, khuyến khích thương khách nước ngoài, nhất là người Trung Hoa. Cụ thể, từ năm 1698, chúa Nguyễn Phúc Tần đã cho những Hoa kiều cư trú từ lâu họp thành xã Minh Hương, Thanh Hà. Khách buôn người Hoa, người Nhật được các chúa Nguyễn cho phép cư trú. Nhờ chính sách khích lệ của chúa Nguyễn, việc buôn bán ở Đàng Trong, đặc biệt là Hội An ngày càng phát đạt. Nhà nước Đàng Trong tích cực tham gia vào hoạt động buôn bán với người Hoa. Các chúa Nguyễn cho phép người Hoa mở cửa hàng, cửa hiệu buôn bán lâu dài, làm cơ sở cho quan hệ thương mại với các nơi khác, sử dụng thế lực của thương nhân người Hoa để tăng cường thêm nội lực, điều hòa các mối quan hệ quốc tế. Người Hoa buôn bán khéo léo, thường kiêm luôn việc mối lái, phiên dịch cho các thương nhân nước ngoài. Chúa Nguyễn thường xuyên tuyển dụng họ làm các chức phụ việc trong tàu ti.

Thương nhân người Hoa luôn gặp nhiều thuận lợi trong hoạt động thương mại ở Đàng Trong, góp phần vào sự hưng thịnh của Hội An và hệ thống thương mại khu vực. Do có những hiểu biết sâu sắc về tình hình chính trị cũng như môi trường kinh tế Đàng Trong, có quan hệ mật thiết lâu đời với nhiều tầng lớp cư dân, thiết lập được mạng lưới kinh tế đa chiều, họ đã trở thành những mũi biện lớn. Nhận thấy cơ hội thuận lợi đó, giới thương nhân vùng Quảng Đông, Phúc Kiến, Hải Nam... đã thúc đẩy mạnh mẽ quan hệ kinh tế với Đàng Trong. Một tổ chức thương mại lớn

là “Thập tam hăng” được thành lập ở Quảng Đông với mục tiêu “cung cấp” cho tàu châu Âu các sản phẩm của Việt Nam và đồng thời cung cấp cho Việt Nam hàng Trung Hoa và sản phẩm của châu Âu mà Việt Nam cần.

Nhờ có những quan hệ hải thương, chính quyền Đàng Trong thu được lợi nhuận lớn trong việc buôn bán này bằng thuế hàng hóa và thuế hải khẩu. Nhờ những nguồn lợi lớn từ thương mại mà nhiều bộ phận xã hội đã trở nên có cuộc sống sung túc. Theo tác giả sách *Kiến văn tiểu lục*, bấy giờ “Quan viên lớn nhỏ không ai là không nhà cửa chạm gọt, tường vách gạch đá, the màn trướng đoan, đồ đạc đồng thau, bàn ghế gỗ đàn, gỗ trắc, chén mâm đồ sứ, đồ hoa, yên cương vàng bạc, y phục gấm vóc, chiếu đệm mây hoa, phú quý phong lưu, đua nhau khoe đẹp. Những sắc mục ở dân gian cũng mặc áo đoan hoa bát ti và áo sa, lương, địa làm đồ mặc ra vào thường, lấy áo vải, áo mộc làm hồ thẹn. Binh sĩ đều ngồi chiếu mây, dựa quả tựa hoa, ôm lò hương cổ, hãm chè hảo hạng, uống chén sứ bịt bạc và nhỏ ống nhỏ thau, đĩa bát ăn uống thì không cái gì không phải hàng Bắc, một bữa cơm ba bát lớn. Đàn bà con gái thì đều mặc áo the và hàng hoa, thêu hoa ở cổ tròn. Coi vàng bạc như cát, thóc gạo như bùn, xa xỉ rất mực” (Lê Quý Đôn, 1977, tr.430).

Sau cuộc đại phá quân Thanh, triều Quang Trung đã đề ra những chính sách tích cực để khôi phục và chấn hưng kinh tế đất nước. Vua Quang Trung quan niệm cần phải mở rộng giao lưu, mua bán, trao

đổi hàng hóa với nước ngoài mới có thể góp phần khôi phục và phát triển nền kinh tế nước nhà đã nhanh chóng chủ động đặt vấn đề khôi phục giao thương, cử sứ giả sang Trung Hoa điều đình về việc mở cửa ải, lập chợ búa, thông thương mua bán ở vùng biên giới của hai nước, đề nghị nhà Thanh cho lập một cửa hàng ở Nam Ninh (Quảng Tây) làm cơ quan giới thiệu và trao đổi hàng hóa, miễn đánh thuế việc mua bán ở các chợ biên giới... và được vua Thanh chấp nhận.

Đầu thế kỉ XIX, ở vùng biên giới Việt – Trung việc buôn bán vẫn diễn ra thường xuyên, đều đặn và có lưu lượng hàng hóa phong phú, nhất là vùng Lạng Sơn và vùng Quảng Yên (Quảng Ninh) đặc biệt là hai địa điểm: đô thị Lạng Sơn – Kỳ Lừa và đô thị Móng Cái – Vạn Ninh.

Dưới triều Nguyễn, những biến động trong tình hình chính trị của Trung Hoa và chính sách ưu đãi người Hoa của các vua Nguyễn đã làm cho số lượng người Hoa di cư sang Việt Nam ngày càng nhiều. Người Hoa ở Việt Nam dưới thời Nguyễn nắm những hoạt động chính về kinh tế, có tác động rất lớn đến nền kinh tế của Việt Nam, họ thường làm các nghề buôn bán, khai mỏ, làm ruộng, nhưng việc buôn bán là chủ yếu. Chính vì vậy, họ sống tập trung ở các đô thị và hải cảng. Số thương nhân người Hoa thường xuyên đi lại buôn bán giữa Việt Nam và Trung Hoa cũng rất đông, dễ dàng chi phối hoạt động thương nghiệp ở Việt Nam. Họ buôn từ những mặt hàng chiến lược như gạo, gỗ quý, kim loại, đường, vải... đến những mặt

hàng tạp hóa, thực phẩm, thuốc men... Quen thuộc địa hình, phong thổ, lại có hiểu biết sâu sắc về con người và cuộc sống của đất nước này, các lái buôn Trung Hoa đã tỏ ra khôn khéo và tháo vát khiến các lái buôn phương Tây phải thán phục và nhờ cậy họ làm môi giới. Hoạt động ở khâu trung gian giữa người Việt chưa quen kinh doanh buôn bán và lái buôn phương Tây cần mua hàng, Hoa thương đã làm giàu dễ dàng. Với ưu thế về kinh nghiệm và tiền vốn, họ đã khôn khéo tìm ra những kẽ hở trong các quy định, luật lệ của nhà Nguyễn để thu được lợi nhuận cao nhất. Chế độ lãnh trung của triều Nguyễn đã tạo điều kiện cho người Hoa trúng thầu hầu hết các mỏ vàng, bạc, đồng, kẽm, chì, thiếc, than...

Hoa thương còn là đối tượng chính buôn bán đồ quốc cấm, hàng lậu như thuốc phiện, vũ khí, đồ kim quý, thóc gạo... Số Hoa thương trong nước làm môi giới cho các thương khách nước ngoài và liên kết với Hoa thương trên các thuyền buôn Trung Quốc đã gây ra nhiều hành động côn đồ ở vùng cửa biển của Việt Nam. Theo Quốc sử quán triều Nguyễn, vua Thiệu Trị có lần phải cảnh giác: “người nhà Thanh đến trú ngụ chỗ nào cũng có; chúng muốn nhờ đó để nom nhòm nước ta” (Đại Nam thực lục chính biên, 1974, tập 25, tr.247). Thời Tự Đức, năm 1855 ở Hải Dương có 17 tàu buôn Trung Hoa “tự tiện đến đậu ở cửa biển Trục Cát, trong thuyền chứa nhiều khí giới, họ còn lên bờ lập lều quán, đóng

trộm thóc gạo...” (Đại Nam thực lục chính biên, 1974, tập 28, tr.113).

Triều Nguyễn đã tận dụng lực lượng Hoa thương để thực thi chính sách “bế quan tỏa cảng” với thương nhân phương Tây, để có được một số nguồn thu qua thuế khóa và việc mua bán do Hoa thương lãnh trung, thậm chí dùng họ làm gián điệp để xem xét nội tình nhà Thanh. Trên thực tế, lợi dụng sự ưu đãi và buông lỏng quản lí của nhà nước, Hoa thương đã lũng đoạn thị trường, thâm tóm các nguồn lợi về khai mỏ, tài chính. Nhiều tài liệu cho biết gian thương người Hoa đã dùng cân sai để mua và bán. Có kẻ mạo giấy tờ trốn thuế hơn 10 năm. Nhiều hiệu buôn trốn thuế hàng chục vạn quan. Nhiều thuyền chở gạo cho nhà nước hao hụt hàng trăm tấn gạo. Có kẻ đúc tiền giả, có tình lưu hành tiền giả để làm rối loạn, lũng đoạn thị trường...

Nhìn chung, thái độ của nhà Nguyễn đối với thương nhân nước ngoài là lạnh nhạt và bất hợp tác, nhưng riêng đối với thương nhân người Hoa lại có sự ưu đãi. Những người Hoa đến Việt Nam được phép cư ngụ một cách dễ dàng, tàu thuyền của Hoa thương được hậu đãi đặc biệt. Họ có thể ghé bất cứ một cảng nào trên đất nước ta để trao đổi hàng hóa, miễn nộp đủ thuế cảng, thuế hàng hóa và không mang đồ quốc cấm. Gỗ quý là loại hàng “quốc cấm” từ những thế kỉ trước, nhưng trong thời Nguyễn, các lái buôn người Hoa được phép mua gỗ lim đem về nước. Nhà nước cho phép lái buôn người Hoa thu mua số đường mà nhà nước thu mua thừa, được

tiếp xúc trực tiếp với người sản xuất, điều mà các lái buôn phương Tây không được phép. Sau khi thu thuế sản vật, nhà nước giao cho các lái buôn người Hoa mang đi bán. Thậm chí những Hoa thương thiếu tiền thuế của nhà nước không những không bị khiển trách mà còn được lãnh tiền công làm vốn, mua hàng cho triều đình để trừ vào số thuế thiếu. Những thương thuyền của người Hoa còn được nhà nước tin cậy giao cho việc độc quyền vận chuyển hàng hóa và còn được nhà nước tin nhiệm giao cho việc đúc tiền.

Nhà Nguyễn nắm độc quyền về ngoại thương, giành lấy những mối lợi lớn từ những loại hàng hóa cần thiết. Những Hoa thương sinh sống ở Việt Nam đã tận dụng sự ưu đãi, thậm chí sự buông lỏng quản lí của nhà nước để phát triển thế mạnh làm kinh tế của mình. Từ lãnh trung khai mỏ, thu thuế đến buôn bán họ đều có ưu thế và hầu như đã chiếm lĩnh thị trường kinh tế, nhất là kinh tế đối ngoại của Việt Nam.

3. Kết luận

Do ý thức trọng nông và quan niệm phổ biến “dĩ nông vi bản, dĩ thương vi mật”, nhà nước phong kiến Việt Nam thường coi nhẹ hoạt động thương nghiệp. Trong giao lưu kinh tế Hoa-Việt ở Việt Nam bấy giờ, do tác động của chính sách trọng nông, việc buôn bán trao đổi hàng hóa chủ yếu thuộc quan hệ mậu dịch tư nhân, được thực hiện dọc theo vùng biên giới và các hải cảng, giang cảng. Chính sách của các triều đại Việt Nam chủ yếu là kiểm soát chặt chẽ các cửa khẩu vì mục

đích quốc phòng, cấm người trong nước tiếp xúc với người nước ngoài và ra nước ngoài buôn bán. Tuy nhiên, trong những bối cảnh lịch sử nhất định, chẳng hạn vào các thế kỉ XVII-XIX, chính quyền phong kiến Việt Nam vì những ý đồ chính trị và quyền lợi kinh tế đã tỏ ra ưu đãi Hoa thương, tạo điều kiện để họ phát huy năng lực và phát triển thế lực kinh tế mạnh mẽ

của mình. Những hoạt động của người Hoa đã góp phần làm cho nền kinh tế ở Việt Nam trở nên sôi động, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng cũng như xuất nhập khẩu hàng hóa. Song sự đóng góp về lợi ích kinh tế của họ cũng đồng thời đi kèm với sự lũng đoạn thị trường và giá cả, thâm tóm các nguồn lợi ngoại thương của cả nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Lê Quý Đôn. (1977). *Kiến văn tiểu lục*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
- Tạ Ngọc Liễn. (1995). *Quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc thế kỉ XV – đầu thế kỉ XVI*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
- Nguyễn Thế Long. (2005). *Bang giao Đại Việt* (5 tập). Hà Nội: NXB Văn hóa Thông tin.
- Pôliacốp A. B. (1996). *Sự phục hưng của nước Đại Việt thế kỉ X- XIV*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (1974). *Đại Nam thực lục chính biên*, tập 25. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. (1974). *Đại Nam thực lục chính biên*, tập 28. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.